

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

[DỰ THẢO 2]

THÔNG TƯ

**hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non
công lập**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập bao gồm: trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục mầm non).

3. Các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tự thực căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, vận dụng các quy định tại Thông tư này để thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập

Việc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm đủ định mức số lượng người làm việc theo quy định tại Thông tư này để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì bố trí kiêm nhiệm.

Điều 3. Danh mục vị trí việc làm

Danh mục vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non gồm:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng trường;

b) Hiệu trưởng;

c) Phó Hiệu trưởng.

2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, gồm:

a) Giáo viên mầm non (hạng III, hạng II, hạng I);

b) Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong cơ sở giáo dục mầm non thuộc danh mục do Bộ Nội vụ ban hành, bao gồm các vị trí việc làm: kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ sở giáo dục mầm non thuộc danh mục do Bộ Nội vụ ban hành, bao gồm các vị trí việc làm: tư vấn tâm lý trẻ, bảo vệ, tạp vụ, nấu ăn.

Điều 4. Định mức số lượng người làm việc

1. Đối với nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:

a) Chủ tịch hội đồng trường: Mỗi cơ sở giáo dục mầm non có 01 chủ tịch hội đồng trường do cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non hoặc giáo viên mầm non kiêm nhiệm.

b) Hiệu trưởng: Mỗi cơ sở giáo dục mầm non có 01 hiệu trưởng.

c) Phó hiệu trưởng: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định về số lượng cấp phó tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành

a) Đối với nhóm trẻ: 15 trẻ em/nhóm trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi; 20 trẻ em/nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi; 25 trẻ em/nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi được bố trí 2,5 giáo viên/nhóm trẻ.

b) Đối với lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày: 25 trẻ em/lớp từ 3- 4 tuổi; 30 trẻ em/lớp từ 4-5 tuổi; 35 trẻ em/lớp từ 5 - 6 tuổi được bố trí 2,2 giáo viên/lớp.

c) Những nơi không đủ số trẻ để bố trí theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 của Điều này thì định mức giáo viên mầm non sẽ tính trên số trẻ bình quân theo từng độ tuổi của từng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể:

- Đối với nhóm trẻ: Cứ 06 trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi; 08 trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi; 10 trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi được bố trí 1,0 giáo viên;

- Đối với lớp mẫu giáo học 02 buổi ngày: Cứ 11 trẻ từ 3 - 4 tuổi; 14 trẻ từ 4 - 5 tuổi; 16 trẻ từ 5 - 6 tuổi thì được bố trí 1,0 giáo viên;

d) Đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật:

Các cơ sở giáo dục mầm non căn cứ điều kiện, tình hình thực tế để hợp đồng lao động viên chức làm nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật.

3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung

Các cơ sở giáo dục mầm non được bố trí 02 người để thực hiện nhiệm vụ của các vị trí kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

a) Các cơ sở giáo dục mầm non được bố trí lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý trẻ, bảo vệ, tạp vụ. Cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức cho trẻ em ăn bán trú, nội trú thì được bố trí lao động hợp đồng để thực hiện công việc nấu ăn cho trẻ em.

b) Căn cứ vào tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế, các cơ sở giáo dục mầm non xác định số lượng lao động hợp đồng đối với từng vị trí quy định tại khoản a Điều này, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Việc ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Việc xác định định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non

a) Định mức giáo viên quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này bao gồm giáo viên được tuyển dụng viên chức và giáo viên hợp đồng lao động. Trên cơ sở định mức quy định tại khoản 2 Điều 4, các địa phương bố trí đủ số lượng giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với nhóm trẻ ghép, lớp mẫu giáo ghép theo Điều lệ trường mầm non được bố trí định mức giáo viên theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

c) Khi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có 01 (một) trẻ khuyết tật học hòa nhập thì số của nhóm, lớp được tính giảm 05 (năm) trẻ. Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không có quá 02 (hai) trẻ khuyết tật.

d) Đối với lớp mẫu giáo do điều kiện, tình hình thực tế phải tổ chức học 01 buổi/ngày thì cứ 25 trẻ em/lớp từ 3- 4 tuổi, 30 trẻ em/lớp từ 4-5 tuổi, 35 trẻ em/lớp từ 5 - 6 tuổi được bố trí 1,2 giáo viên/lớp.

e) Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Căn cứ định mức quy định tại Điều 4 Thông tư này để xác định số người làm việc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

g) Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Căn cứ định mức quy định tại Điều 4 Thông tư này và nguồn thu sự nghiệp, để xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

h) Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Căn cứ vào các quy định về định mức trên để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

a) Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập là tỷ lệ của số lượng viên chức theo từng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ để xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, bao gồm: danh mục vị trí việc làm, mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.

b) Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập

Các cơ sở giáo dục mầm non căn cứ tính chất, đặc điểm, phạm vi, quy mô, mức độ phức tạp của công việc, số lượng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tương ứng để xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Các cơ sở giáo dục mầm non xác định tỷ lệ viên chức theo hạng trong từng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quy mô tổ chức, mức độ phức tạp công việc của vị trí việc làm. Trong đó, số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (giáo viên mầm non) và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị (không bao gồm lãnh đạo, quản lý).

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo và hướng dẫn rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, bảo đảm bố trí số lượng trẻ trên lớp theo quy định; Chỉ đạo việc xác định số lượng người làm việc theo vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, bố trí cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên theo định mức quy định.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật để xác định và phê duyệt cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp; hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng lộ trình hoàn thiện cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

c) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Thông tư này theo thẩm quyền;

b) Kiểm tra, giám sát việc bố trí, sắp xếp số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non rà soát, sắp xếp và quyết định số trẻ/lớp, số trẻ/nhóm trẻ bảo đảm theo quy định; bố trí cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên, nhân viên theo định mức quy định;

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Kiểm tra, giám sát việc bố trí, sắp xếp số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non rà soát, sắp xếp, bố trí vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng Đề án vị trí việc làm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và điều chỉnh, bổ sung hàng năm.

c) Kiểm tra, giám sát việc bố trí, sắp xếp số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non.

5. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

b) Lập kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Bố trí, sắp xếp vị trí việc làm của đơn vị theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TTN&ND của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Bộ trưởng;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu;
- Như Điều 7;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (15b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng